

Số: 167/QĐ-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động
của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-HHVN ngày 01/6/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn thành công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ năm của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 26/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 153/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày 26/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại kỳ họp thường niên năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Thành viên Ban kiểm soát; Ban điều hành; Thủ trưởng các phòng, chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban kiểm soát CSG;
- Văn phòng Đảng ủy CSG;
- Các phòng, chi nhánh, đơn vị trực thuộc CSG;
- Công đoàn và các đoàn thể của CSG;
- Lưu: VT, BKS.



Vũ Thị Thanh Duyên

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-CSG ngày 27 tháng 4 năm 2021

của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 153/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày 26/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại kỳ họp thường niên năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG QUY CHẾ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “**Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**” được gọi tắt là “**Công ty**” được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty, các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

b) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

c) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

d) “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

e) “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f) “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

g) “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

h) “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% (năm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty.

i) “**Sở giao dịch chứng khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

j) “**Đại hội đồng cổ đông**” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

k) **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị của Công ty.

l) **“Ban kiểm soát”** là Ban kiểm soát của Công ty.

m) **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của Công ty.

n) **“Kế toán trưởng”** là Kế toán trưởng Công ty.

o) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

p) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề: Chương, Mục, Điều của Quy chế được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn quy định nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các cá nhân, đơn vị có liên quan của Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Ban kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định của Công ty.

2. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách, đồng thời cùng với các thành viên khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG III

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Trong đó có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay

nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với thời hạn không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn hoạt động còn lại. Trường hợp tất cả thành viên Ban kiểm soát cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Ban kiểm soát cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc để bảo đảm công tác quản lý điều hành Công ty không bị gián đoạn.

3. Trường hợp trong thời hạn hoạt động số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 tổng số thành viên hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 53 Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 52 Điều lệ Công ty.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm căn trọng của các thành viên Ban kiểm soát.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

2. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Ban kiểm soát.

a) Thành viên Ban kiểm soát và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được từ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

b) Thành viên Ban kiểm soát và những người liên quan tới các thành viên Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

c) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc cùng bên thứ ba gây tổn hại lợi ích Công ty.

3. Trách nhiệm thiệt hại và bồi thường.

a) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thành viên khác của Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, và đại diện chủ sở hữu; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 mục a, b, c của Điều này đều phải trả lại cho Công ty và phải chịu trách nhiệm cá nhân tùy theo tính chất mức độ vi phạm.

4. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao và các lợi ích khác theo quy định, hằng năm, Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và các chi phí của thành viên Ban kiểm soát không vượt quá ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ cá nhân phụ trách đối với mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

2. Các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình hoạt động của Ban kiểm soát. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực, có trách nhiệm tham mưu và thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến với Trường Ban kiểm soát đối với lĩnh vực được phân công. Việc phân công chỉ mang tính tương đối, mỗi thành viên Ban kiểm soát không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ở các lĩnh vực khác, thuộc nhiệm vụ chức năng chung của Ban kiểm soát.

3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định tài chính 06 tháng của Công ty. Báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trường Ban kiểm soát.

4. Hình thức kiểm tra, giám sát:

- a) Kiểm tra giám sát từ xa;
- b) Kiểm tra tại chỗ, định kỳ hoặc đột xuất.

5. Phương thức kiểm tra:

- a) Căn cứ và báo cáo của đơn vị;
- b) Tham gia đóng góp ý kiến về những quyết định, chủ trương, chính sách và việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- a) Trưởng Ban kiểm soát;
- b) Ít nhất 2/3 thành viên Ban kiểm soát trở lên;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Tổng giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong những người nêu tại khoản 3 Điều 10 Quy chế này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp bất thường.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành tại trụ sở của Công ty, hoặc các địa điểm khác thuận tiện theo sự thống nhất của các thành viên Ban kiểm soát.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể theo hình thức họp trực tiếp hoặc có thể thông qua các hình thức khác như họp trực tuyến. Việc tham gia các cuộc họp của thành viên Ban kiểm soát bằng hình thức họp trực tuyến được xem là đã tham dự họp và cần được ghi lại trong Biên bản họp.

Điều 11. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát.

2. Thông báo mời họp Ban kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 03 ngày.

3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 03 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp trong đó nêu rõ: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.

4. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các thành viên Ban kiểm soát. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín, phiếu biểu quyết này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

5. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự theo quy định hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.

Điều 12. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát và ký tên vào biên bản.

Biên bản cuộc họp phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích, chương trình, nội dung họp; thời gian và địa điểm họp;

c) Họ, tên của thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên của những thành viên không dự họp và lý do;

d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

e) Kết quả biểu quyết bao gồm các phương án biểu quyết: Tán thành, không tán thành, và không có ý kiến;

f) Các quyết định đã được thông qua;

g) Họ và tên chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp;

h) Trường hợp thành viên dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp xem như không có giá trị.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty và Ban kiểm soát.

3. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp đó. Trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Điều 13. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

e) Phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, không tán thành, và không có ý kiến;

f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g) Họ và tên chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Ban kiểm soát và gửi về Công ty theo quy định;

i) Bộ phận giúp việc tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

CHƯƠNG V

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU,

MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của: người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ; người quản lý, điều hành công ty mẹ; thành viên Ban kiểm soát công ty mẹ; người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty; người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty khác;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thay thế theo quy định hiện hành.

5. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty để trình Đại hội cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 16. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị và tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát được quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh, và địa điểm khác của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ chính xác kịp thời thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát.

Điều 17. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Công ty và pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.

4. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

Chương VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị,

Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để bảo đảm thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung, thay thế

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Ban kiểm soát quyết định, trình Đại hội cổ đông phê chuẩn.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn bao gồm 08 Chương, 24 Điều. Các thành viên Ban kiểm soát Công ty và các tổ chức cá nhân có liên quan trực thuộc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Thị Thanh Duyên